TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 179/2019/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 13 tháng 03 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 265/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1983; thường trú: khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1983; thường trú: ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh Bình Dương vào ngày 18 tháng 4 năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không thể đoàn tụ hạnh phúc được với nhau. Nay, ông B và bà H xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông B và bà H có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 09/01/2008; Lê Danh N, sinh ngày 23/4/2012 và Lê Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/02/2014. Ông B và bà H thống nhất, khi ly hôn ông B là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N; Bà H là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Danh N và Lê Nguyễn Thành Đ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H không cấp dưỡng nuôi con chung; Ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Danh N và Lê Nguyễn Thành Đ số tiền 4.000.000 đồng/tháng/02 con. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông B và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm hòa giải – đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 09/01/2008 cho ông Lê Thanh B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao 02 con chung tên Lê Danh N, sinh ngày 23/4/2012 và Lê Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/02/2014 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con chung; Ông Lê Thanh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Danh N, sinh ngày 23/4/2012 và Lê Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/02/2014 số tiền 4.000.000 đồng/tháng/02 con. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034755 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- UBND xã A, thị xã T, tỉnh Bình Dương (GCNKH số 19 ngày 18/4/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thiệu Văn Kết Em